



Số: 185/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản, được lập ngày 28/03/2017, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại phần ghi chú (*) thuyết minh số 9 trang 30 phần thuyết minh báo cáo tài chính Công ty đã hạch toán bù trừ giữa khoản 50 tỷ đồng tiền ứng trước của Trường Đại Học Quốc tế Hồng Bàng và khoản được bồi thường các tài sản trên đất (sau khi trừ giá trị còn lại của tài sản) trị giá 15.995.944.573 đồng trên khoản mục chi phí khác. Trong đó khoản ứng trước của Trường Đại Học Quốc tế Hồng Bàng để thực hiện dự án khu thương mại – nhà ở cao tầng kết hợp văn phòng tại 213 Hòa Bình theo văn bản thỏa thuận hợp tác đầu tư số 363/2010/TT-SEAS-HB ngày 29/11/2010, Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác số tiền này vào các năm trước. Tuy nhiên hai bên đã không thực hiện được các thỏa thuận và khu đất trên đã bị UBND Thành phố Hồ Chí Minh thu hồi. Chúng tôi không thể thực hiện điều chỉnh hồi tố vào các năm liên quan theo hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán số 29- Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót do đơn vị không xác định được các khoản chi phí tương ứng đã hạch toán. Việc không điều chỉnh này ngoài việc ảnh hưởng tới số lỗ trên chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối đầu năm mà còn làm ảnh hưởng tới các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính năm 2016.

Mặt khác mặc dù công ty không điều chỉnh hồi tố nhưng do công ty hạch toán bù trừ, nếu trình bày đúng thì khoản thu nhập khác và chi phí khác trên báo cáo kết quả kinh doanh tăng lên tương ứng là 15.995.944.573 đồng.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh VIII.5 trang 37 phần thuyết minh báo cáo tài chính như sau: Theo công văn số 9588/STC-BVG ngày 15/12/2015 của Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh thì Sở Tài chính đã đề nghị Cục thuế Thành Phố Hồ Chí Minh xác định lại khoản chênh lệch giữa giá thuê đất và giá Công ty CP Thủy đặc sản cho thuê lại khu đất 16.397m² tại 213 Hòa Bình, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú để thu hồi (nếu có). Đến thời điểm phát hành báo cáo này Sở tài chính, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi Cục Thuế Quận Tân Phú vẫn chưa đưa ra quyết định cuối cùng về vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán lập ngày 29/03/2016 đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các vấn đề sau:

- Công ty kiểm toán đã không thu thập được các bằng chứng cũng như xác nhận tính hiện hữu, quyền lợi và nghĩa vụ phải thanh toán liên quan đến các khoản trả trước người bán, phải thu khách hàng, tạm ứng với số tiền 7.830.189.516 đồng và khoản vay dài hạn 11 tỷ đồng phát sinh trước thời điểm cổ phần hóa
- Công ty có khoản phải trả nhà cung cấp số tiền 5.219.431.358 đồng phát sinh từ nhiều năm trước chưa xử lý. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không thể đánh giá chính xác cũng như Công ty còn nghĩa vụ phải thanh toán khoản công nợ này hay không.
- Công ty chưa ghi nhận khoản tiền 50 tỷ đồng và khoản tiền lãi tương ứng phải trả cho Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng do không thực hiện các điều khoản trong văn bản thỏa thuận hợp tác đầu tư số 363/2010/TT_SEAS_HB ngày 29 tháng 11 năm 2010. Đồng thời Công ty còn công nợ phải thu với Trường Đại Học Quốc tế Hồng Bàng liên quan đến khoản thuê khu đất này với số tiền lũy kế đến ngày 31/12/2015 là 29.862.429.489 đồng. Với các tài liệu hiện có chúng tôi không thể đánh giá được sự ảnh hưởng của các vấn đề này đối với Báo cáo tài chính của Công ty.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Giám đốc



Nguyễn Minh Tiến

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0547-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Kiểm toán viên

Nguyễn Chí Thanh

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2819-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		182.649.944.233	227.653.883.163
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33.032.552.983	18.526.267.181
1. Tiền	111		33.032.552.983	18.526.267.181
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.770.806.984	72.270.437.408
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	60.461.301.053	68.314.215.861
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.840.196.019	3.796.839.654
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.645.685.785	9.779.448.153
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.176.375.873)	(9.620.066.260)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	62.628.165.049	118.945.368.027
1. Hàng tồn kho	141		63.771.773.425	124.461.590.150
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.143.608.376)	(5.516.222.123)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.218.419.217	17.911.810.547
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	303.984.854	388.256.313
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.421.206.742	16.690.643.754
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	2.493.227.621	832.910.480
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		167.910.229.167	185.105.103.691
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		167.153.157.607	184.539.680.638
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	147.324.169.556	164.132.433.575
- Nguyên giá	222		241.027.809.607	275.656.798.032
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.703.640.051)	(111.524.364.457)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	19.828.988.051	20.407.247.063
- Nguyên giá	228		26.091.778.833	26.091.778.833
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.262.790.782)	(5.684.531.770)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	154.550.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		154.550.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		116.230.738	116.230.738
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	116.230.738	116.230.738
VI. Tài sản dài hạn khác	260		486.290.822	449.192.315
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	486.290.822	449.192.315
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		350.560.173.400	412.758.986.854

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		251.723.025.402	301.465.863.243
I. Nợ ngắn hạn	310		225.773.100.402	249.009.275.743
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	47.809.543.092	95.707.574.327
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	8.290.228.472	6.964.419.288
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.997.675.944	3.206.848.929
4. Phải trả người lao động	314		20.813.844.058	13.513.688.398
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.924.520.042	6.612.128.917
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.181.111.174	1.544.244.061
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	138.019.467.750	120.451.133.203
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		736.709.870	1.009.238.620
II. Nợ dài hạn	330		25.949.925.000	52.456.587.500
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	25.949.925.000	52.456.587.500
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		98.837.147.998	111.293.123.611
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	98.837.147.998	111.293.123.611
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		108.000.000.000	108.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.000.000.000	108.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần			10.800.000.000	10.800.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.446.988.961	8.446.988.961
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(28.409.840.963)	(15.953.865.350)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(15.953.865.350)	(1.948.632.587)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(12.455.975.613)	(14.005.232.763)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		350.560.173.400	412.758.986.854

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Triệu Thị Quảng Châu

Đặng Thị Ngọc Bích

Lê Công Đức

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	593.925.941.452	540.101.492.659
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.069.139.543	5.289.386.884
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	590.856.801.909	534.812.105.775
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	509.753.924.232	473.653.662.034
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.102.877.677	61.158.443.741
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2.470.961.930	1.870.633.718
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	8.379.552.152	17.369.960.913
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.838.609.919</i>	<i>9.849.718.446</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	32.424.245.763	34.856.006.566
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	19.067.714.742	24.075.728.283
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.702.326.950	(13.272.618.303)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	7.685.116.599	1.502.437.450
12. Chi phí khác	32	VI.9	43.666.130.683	2.156.048.490
13. Lợi nhuận khác	40		(35.981.014.084)	(653.611.040)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.278.687.134)	(13.926.229.343)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	177.288.479	79.003.420
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.455.975.613)	(14.005.232.763)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(1.153)	(1.297)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(1.153)	(1.297)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Triệu Thị Quảng Châu

Đặng Thị Ngọc Bích

Lê Công Đức

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

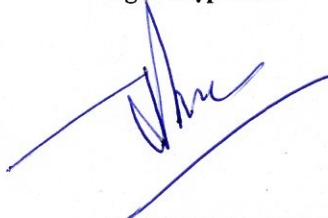
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(12.278.687.134)	(13.926.229.343)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12.181.894.325	12.402.739.092
- Các khoản dự phòng	03		(8.816.304.134)	5.888.068.470
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		763.407.345	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.418.310.353)	1.136.332.864
- Chi phí lãi vay	06		5.838.609.919	9.849.718.446
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(18.729.390.032)	15.350.629.529
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23.972.952.038	29.708.659.903
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		60.689.816.725	59.194.550.262
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(36.469.736.017)	(6.591.515.945)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		47.172.952	153.250.888
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.802.668.162)	(9.849.718.446)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(111.530.357)	(802.818.157)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(272.528.750)	(202.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.324.088.397	86.960.958.034
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.322.269.875)	(5.327.098.843)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		390.909.091	280.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.456.689	16.200.000
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(2.899.904.095)	(5.030.898.843)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		344.055.952.270	357.202.765.874
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(346.115.123.872)	(455.322.066.282)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(163.945.000)	(4.497.270.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.223.116.602)	(102.616.570.408)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		14.201.067.700	(20.686.511.217)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		18.526.267.181	39.212.778.398
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		305.218.102	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	33.032.552.983	18.526.267.181

Người lập biểu



Triệu Thị Quảng Châu

Kế toán trưởng



Đặng Thị Ngọc Bích

Tổng Giám đốc



Lê Công Đức

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017